HÀNH TRÌNH NGHIÊN CỨU ẨN DỤ Ý NIỆM TẠI VIỆT NAM: GÓC NHÌN TỪ NGỮ LIỆU THƯ VIỆN QUỐC GIA

Đỗ Thị An
Trường Đại học Ngoại thương
Email: dothian@ftu.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết khảo sát tình hình nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam thông qua nguồn ngữ liệu từ hệ thống tra cứu của Thư viện Quốc gia. Trên cơ sở thống kê và phân loại các công trình gồm luận án, bài trích và sách chuyên khảo, bài viết phân tích tiến trình phát triển, xu hướng nghiên cứu và các khuynh hướng nổi bật của lĩnh vực này. Kết quả cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam có xu hướng phát triển mạnh từ sau năm 2015, tập trung chủ yếu vào hướng nghiên cứu đối chiếu liên ngôn ngữ, phân tích ngữ liệu văn học và mở rộng sang các lĩnh vực diễn ngôn xã hội, truyền thông và văn hoá. Qua đó, bài viết góp phần phác hoạ diện mạo nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong bối cảnh ngôn ngữ học tri nhận ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: *ẩn dụ ý niệm, ngôn ngữ học tri nhận, Thư viện Quốc gia, ngữ liệu thư mục.*

THE DEVELOPMENT OF CONCEPTUAL METAPHOR RESEARCH IN VIETNAM: A PERSPECTIVE FROM THE NATIONAL LIBRARY'S BIBLIOGRAPHIC DATA

Abstract: *This article examines the state of conceptual metaphor research in Vietnam through data retrieved from the search system of the National Library of Vietnam. Based on the statistical analysis and classification of research works, including dissertations, journal articles, and monographs, the article analyzes the development process, research trends, and prominent orientations in this field. The findings show that conceptual metaphor research in Vietnam has grown significantly since 2015, focusing mainly on cross-linguistic contrastive studies, literary data analysis, and expanding into areas such as social discourse, media, and culture. Accordingly, the article contributes to outlining the landscape of conceptual metaphor research in the current context of cognitive linguistics in Vietnam.*

Keywords: *conceptual metaphor, cognitive linguistics, National Library of Vietnam, bibliographic data.*

Nhận bài: 15/03/2026 *Phản biện: 15/04/2026* *Duyệt đăng: 19/04/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ ý niệm được xem là một cơ chế tư duy nền tảng của con người chứ không đơn thuần là biện pháp tu từ trong ngôn ngữ. Theo Lakoff và Johnson (1980), con người tri nhận và tổ chức kinh nghiệm sống thông qua các hệ thống ánh xạ giữa miền nguồn và miền đích trong tư duy. Từ đó, lý thuyết ẩn dụ ý niệm đã trở thành một trong những hướng tiếp cận có ảnh hưởng sâu rộng trong nghiên cứu ngôn ngữ hiện đại.

Trên thế giới, nghiên cứu ẩn dụ ý niệm ngày càng được mở rộng sang nhiều lĩnh vực như văn học, văn hoá, cảm xúc, chính trị và truyền thông. Gibbs (2008) cho rằng ẩn dụ ý niệm không chỉ hiện diện trong ngôn ngữ mà còn phản ánh cấu trúc tư duy và kinh nghiệm sống của con người trong hoạt động giao tiếp hằng ngày. Trong khi đó, Kövecses (2010) nhấn mạnh rằng sự hình thành và vận dụng ẩn dụ ý niệm chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ trải nghiệm văn hoá và bối cảnh xã hội. Ở góc độ diễn ngôn, Charteris-Black (2004) cho rằng ẩn dụ có khả năng định hướng nhận thức và tạo ảnh hưởng trong các lĩnh vực như chính trị, báo chí và quảng cáo. Những hướng tiếp cận này cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm ngày càng mang tính liên ngành và có phạm vi ứng dụng rộng rãi.

Tại Việt Nam, nghiên cứu ẩn dụ ý niệm bắt đầu được chú ý từ khoảng đầu thế kỉ XXI và phát triển mạnh hơn trong những năm gần đây. Các công trình nghiên cứu không chỉ tập trung vào ngữ liệu văn học mà còn mở rộng sang ca dao, tục ngữ, báo chí, quảng cáo, diễn ngôn chính trị và truyền thông. Đồng thời, nhiều nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Việt với tiếng Anh cũng cho thấy xu hướng tiếp cận liên văn hoá và liên ngôn ngữ ngày càng rõ nét.

Bên cạnh sự gia tăng về số lượng công trình, việc khảo sát tiến trình và khuynh hướng nghiên cứu của lĩnh vực này cũng trở nên cần thiết. Theo Phạm Hùng Hiệp và Lương Đình Hải (2023), phương pháp thư mục lượng cho phép nhận diện xu hướng phát triển và đặc điểm học thuật của một lĩnh vực thông qua dữ liệu công bố khoa học. Vận dụng hướng tiếp cận này, bài viết tiến hành khảo sát các công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm được đăng tải trong hệ thống dữ liệu điện tử của

Thư viện Quốc gia Việt Nam nhằm phác hoạ tiến trình phát triển, các khuynh hướng nghiên cứu nổi bật cũng như một số đặc điểm đáng chú ý của nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Ngữ liệu của bài viết được thu thập từ hệ thống tra cứu trực tuyến của Thư viện Quốc gia Việt Nam tại địa chỉ nlv.gov.vn với từ khóa "ẩn dụ ý niệm", "conceptual metaphor" và "conceptual metaphors". Việc tìm kiếm và tổng hợp dữ liệu được thực hiện vào tháng 4 năm 2026. Kết quả khảo sát thu được 51 công trình có liên quan trực tiếp đến nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam, gồm 46 công trình bằng tiếng Việt và 5 công trình bằng tiếng Anh. Các dữ liệu được khai thác chủ yếu dựa trên thông tin thư mục, bao gồm tên công trình, tác giả, năm công bố, nguồn xuất bản và phần tóm tắt nội dung. Trên cơ sở nguồn ngữ liệu thu thập được, bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định số lượng công bố theo thời gian và nhận diện các xu hướng nghiên cứu nổi bật. Đồng thời, phương pháp phân loại và phân tích tổng quan cũng được vận dụng để hệ thống hoá các hướng nghiên cứu chính, từ đó khái quát tiến trình phát triển của nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam trong những năm gần đây.

Do phạm vi khảo sát giới hạn trong dữ liệu được cập nhật trên hệ thống tra cứu của Thư viện Quốc gia Việt Nam, kết quả nghiên cứu mang tính định hướng tổng quan, góp phần phản ánh diện mạo và xu hướng phát triển của lĩnh vực nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong bối cảnh ngôn ngữ học tri nhận ở Việt Nam.

2.2. Kết quả khảo sát và phân tích

Trên cơ sở 51 công trình thu thập từ hệ thống dữ liệu điện tử của Thư viện Quốc gia Việt Nam, bài viết tiến hành khảo sát đặc điểm phân bố, tiến trình công bố và các khuynh hướng nghiên cứu nổi bật của lĩnh vực ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam.

2.2.1. Cơ cấu loại hình công bố

Kết quả khảo sát cho thấy các công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam được công bố dưới nhiều loại hình khác nhau, bao gồm luận án, bài trích trên tạp chí khoa học và sách chuyên khảo.

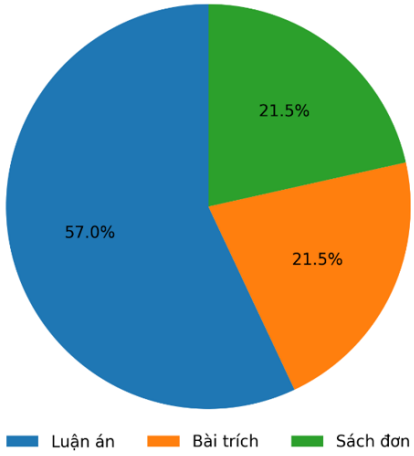

Biểu đồ 1. Phân bố loại hình công bố về ẩn dụ ý niệm

Từ số liệu thống kê có thể thấy luận án là loại hình công bố chiếm ưu thế với 29/51 công trình, tương đương hơn một nửa tổng số dữ liệu khảo sát. Điều này cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam chủ yếu phát triển trong môi trường học thuật và đào tạo sau đại học. Phần lớn các công trình luận án tập trung vào việc vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận để khảo sát ngữ liệu văn học, diễn ngôn và nghiên cứu đối chiếu liên ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, số lượng bài trích đăng trên các tạp chí khoa học đạt 11 công trình. Dù không chiếm tỉ lệ lớn, các bài viết này cho thấy sự hiện diện tương đối ổn định của nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong hoạt động công bố khoa học chuyên ngành. Nội dung các bài trích khá đa dạng, trải rộng từ nghiên cứu văn học, cảm xúc đến các diễn ngôn chính trị, báo chí và kinh tế.

Ngoài ra, dữ liệu khảo sát còn ghi nhận 11 công trình sách chuyên khảo. Sự xuất hiện của các công trình này cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam đang từng bước được hệ thống hoá và mở rộng theo hướng chuyên sâu hơn. Nhiều sách không chỉ tổng hợp cơ sở lý thuyết mà còn phát triển các hướng nghiên cứu ứng dụng trong văn học, văn hoá và diễn ngôn xã hội.

2.2.2. Tiến trình công bố theo thời gian

Số liệu khảo sát cho thấy nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam có xu hướng gia tăng rõ rệt theo thời gian, đặc biệt từ giai đoạn sau năm 2015. Tiến trình công bố phản ánh sự mở rộng dần của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu ngôn ngữ và văn học ở Việt Nam.

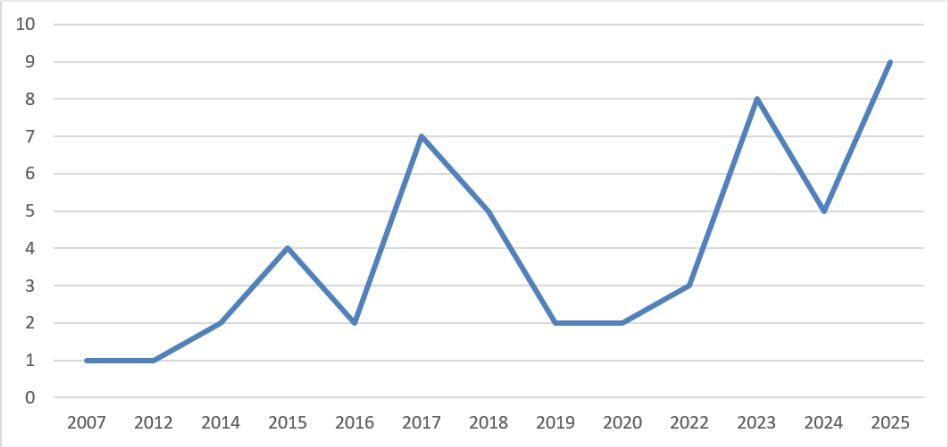

Biểu đồ 2. Số lượng công bố về ẩn dụ ý niệm theo năm

Theo dữ liệu thống kê, công trình sớm nhất được ghi nhận xuất bản vào năm 2007 với số lượng còn khá hạn chế. Trong giai đoạn từ 2007 đến trước năm 2015, số lượng công bố nhìn chung chưa nhiều và xuất hiện không đều qua các năm. Đây có thể xem là giai đoạn khởi đầu, khi nghiên cứu ẩn dụ ý niệm mới bắt đầu được tiếp cận và vận dụng trong môi trường học thuật Việt Nam. Các công trình ở giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc giới thiệu lý thuyết, khảo sát những trường hợp ngữ liệu cụ thể hoặc bước đầu vận dụng ngôn ngữ học tri nhận vào nghiên cứu văn học và ngôn ngữ.

Từ năm 2015 trở đi, số lượng công trình tăng lên rõ rệt. Năm 2015 ghi nhận 4 công trình, trong khi năm 2017 đạt 7 công trình và năm 2018 có 5 công trình. Đây có thể xem là giai đoạn mở rộng của nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam. Bên cạnh các nghiên cứu về thơ ca và văn học, nhiều công trình bắt đầu mở rộng sang các chủ đề như cảm xúc, đời sống xã hội, quảng cáo, chính trị hay các nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Việt với tiếng Anh và tiếng Nhật. Sự xuất hiện ngày càng nhiều của các luận án và sách chuyên khảo trong giai đoạn này cho thấy ẩn dụ ý niệm đã dần trở thành một hướng nghiên cứu quen thuộc trong ngôn ngữ học tri nhận ở Việt Nam.

Đáng chú ý, từ năm 2023 đến năm 2025, số lượng công bố tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong toàn bộ dữ liệu khảo sát. Riêng năm 2023 ghi nhận 8 công trình, trong khi năm 2025 đạt 9 công trình. Không chỉ gia tăng về số lượng, các nghiên cứu ở giai đoạn gần đây còn cho thấy sự đa dạng hơn về đối tượng khảo sát và phạm vi ứng dụng. Nhiều công trình bắt đầu tiếp cận các vấn đề như truyền thông, báo mạng, quảng cáo đa phương thức, diễn ngôn xã hội hay các mô hình ẩn dụ đa phương thức. Xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển từ các nghiên cứu thiên về ngữ liệu văn học truyền thống sang các nghiên cứu mang tính liên ngành và gắn với bối cảnh truyền thông hiện đại.

Nhìn tổng thể, tiến trình công bố cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam đã chuyển từ giai đoạn tiếp cận lý thuyết ban đầu sang giai đoạn phát triển chuyên sâu và đa dạng hoá hướng nghiên cứu. Sự gia tăng số lượng công trình trong những năm gần đây phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu ngôn ngữ, văn học và diễn ngôn tại Việt Nam, đồng thời cho thấy xu hướng hội nhập ngày càng rõ hơn với các hướng nghiên cứu quốc tế về ẩn dụ ý niệm.

2.3. Các khuynh hướng nghiên cứu nổi bật

Từ nguồn dữ liệu khảo sát có thể nhận thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam phát triển theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau, đồng thời cho thấy sự mở rộng dần của phạm vi ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu ngôn ngữ, văn học và văn hoá. Tên các công trình được đề cập trong mục này được sử dụng nhằm minh hoạ cho những khuynh hướng nổi bật của lĩnh vực ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam.

Bảng 1. Các khuynh hướng nghiên cứu nổi bật về ẩn dụ ý niệm

Khuynh hướng nghiên cứu	Chủ đề/đối tượng khảo sát tiêu biểu	Một số công trình tiêu biểu
Văn học – thi ca	Thơ, truyện, tác giả văn học	*Ẩn dụ ý niệm trong thơ Xuân Quỳnh; Ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong Thơ mới 1932–1945; Ẩn dụ ý niệm trong thơ và kịch của Lưu Quang Vũ*
Cảm xúc và con người	Tình yêu, hạnh phúc, nỗi đau, con người, phụ nữ, đàn ông	*Đối chiếu ẩn dụ ý niệm về hạnh phúc và nỗi đau trong các ca khúc tiếng Anh - tiếng Việt thế kỷ XX; Ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong truyện ngắn Anh – Việt*
Văn hoá dân gian và đời sống	Ca dao, tục ngữ, ăn uống, thực vật, màu sắc	*Ẩn dụ ý niệm trong ca dao Nam Bộ; Ẩn dụ ý niệm sinh, lão, bệnh, tử trong ca dao, tục ngữ của người Việt*
Diễn ngôn xã hội và truyền thông	Chính trị, báo chí, quảng cáo, chứng khoán	*Ẩn dụ ý niệm trong các diễn ngôn chính trị; Đối chiếu ẩn dụ ý niệm trong quảng cáo tiếng Việt và tiếng Anh*
Liên ngành và đa phương thức	Quảng cáo đa phương thức, báo mạng, truyền thông	*Phân tích đối chiếu ẩn dụ ý niệm đa phương thức trong quảng cáo ẩm thực tiếng Việt và tiếng Anh; Ẩn dụ ý niệm trên tư liệu thành ngữ và báo mạng tiếng Việt*

Một trong những khuynh hướng nổi bật là nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong ngữ liệu văn học và thi ca. Nhiều công trình lựa chọn tác phẩm của các tác giả tiêu biểu như Nam Cao, Xuân Quỳnh, Nguyễn Bính, Lưu Quang Vũ hay Truyện Kiều để phân tích cơ chế tri nhận và mô hình ánh xạ của ẩn dụ ý niệm. Bên cạnh văn học viết, các ngữ liệu dân gian như ca dao, tục ngữ và thành ngữ cũng được quan tâm khảo sát, tiêu biểu là các nghiên cứu về ca dao Nam Bộ, phạm trù "sinh, lão, bệnh, tử" trong ca dao, tục ngữ của người Việt hay ẩn dụ ý niệm trong thành ngữ tiếng Việt. Điều này cho thấy văn học và văn hoá truyền thống vẫn là nguồn ngữ liệu quan trọng trong nghiên cứu ẩn dụ ý niệm ở Việt Nam.

Bên cạnh hướng nghiên cứu văn học, đối chiếu liên ngôn ngữ cũng là một xu hướng xuất hiện với tần suất đáng kể trong dữ liệu khảo sát. Nhiều công trình tập trung đối chiếu ẩn dụ ý niệm giữa tiếng Việt với tiếng Anh hoặc tiếng Nhật trên các phương diện như tình yêu, cảm xúc, cái chết, giấc mơ, vị giác hay hình tượng con người. Hướng nghiên cứu này không chỉ làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong cách ý niệm hoá giữa các ngôn ngữ mà còn nhấn mạnh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hoá và tư duy dân tộc.

Một đặc điểm nổi bật khác là sự tập trung khá mạnh vào các chủ đề liên quan đến cảm xúc và trải nghiệm con người. Nhiều công trình lựa chọn các phạm trù như tình yêu, hạnh phúc, nỗi đau, tức giận, vui mừng, cái chết hay hình tượng con người để khảo sát cơ chế ánh xạ và quá trình ý niệm hoá. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về người phụ nữ, người đàn ông, hôn nhân và gia đình cũng xuất hiện với tần suất đáng kể. Xu hướng này cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam không chỉ quan tâm đến cấu trúc ngôn ngữ mà còn hướng mạnh tới việc khám phá đời sống tinh thần, trải nghiệm cảm xúc và đặc điểm tư duy văn hoá của con người. Thông qua các biểu thức ẩn dụ, nhiều công trình đã làm rõ cách người Việt tri nhận thế giới, tổ chức kinh nghiệm sống và biểu đạt các giá trị văn hoá trong ngôn ngữ.

Không chỉ dừng lại ở các ngữ liệu văn học và cảm xúc cá nhân, nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam còn cho thấy sự mở rộng đáng kể sang các lĩnh vực diễn ngôn xã hội và truyền thông. Một số công trình đã tập trung khảo sát ẩn dụ ý niệm trong quảng cáo, báo chí, truyền thông, diễn ngôn chính trị và thị trường chứng khoán. So với giai

đoạn đầu chủ yếu khai thác ngữ liệu văn học, đây có thể xem là một bước chuyển đáng chú ý trong phạm vi ứng dụng của lý thuyết ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam. Xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển từ nghiên cứu ngôn ngữ mang tính văn bản sang nghiên cứu diễn ngôn xã hội, nơi ẩn dụ ý niệm được xem như công cụ định hình nhận thức, tác động đến tư duy và ảnh hưởng đến cách con người tiếp nhận thông tin trong đời sống hiện đại.

Cùng với sự mở rộng về đối tượng nghiên cứu, một số công trình gần đây đã tiếp cận ẩn dụ ý niệm theo hướng đa phương thức và liên ngành, tiêu biểu là các nghiên cứu về quảng cáo đa phương thức, báo mạng và diễn ngôn truyền thông. Các công trình này không chỉ phân tích ngôn ngữ mà còn kết hợp hình ảnh, biểu tượng và phương tiện truyền thông trong quá trình khảo sát cơ chế tạo nghĩa của ẩn dụ ý niệm. Điều này cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam đang từng bước tiếp cận gần hơn với các xu hướng nghiên cứu hiện đại của ngôn ngữ học tri nhận trên thế giới, đồng thời phản ánh xu hướng mở rộng tính liên ngành trong nghiên cứu ngôn ngữ hiện nay.

Ngoài các công trình công bố bằng tiếng Việt, dữ liệu khảo sát cũng ghi nhận một số nghiên cứu được viết bằng tiếng Anh trong những năm gần đây. Các công trình này chủ yếu tập trung vào những hướng tiếp cận hiện đại như ẩn dụ đa phương thức, diễn ngôn chính trị, báo chí, dịch thuật và ngữ nghĩa học tri nhận. Có thể kể đến các nghiên cứu như *A multimodal analysis of conceptual metaphors in American and Vietnamese beverages commercials, Conceptual metaphor "Politics is war" in the American political news discourse hay Modulation of English conceptual metaphor via Vietnamese translation of metaphoric expressions in economic discourse*. Sự xuất hiện của các công trình công bố bằng tiếng Anh cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam đang từng bước mở rộng khả năng hội nhập học thuật quốc tế, đồng thời tiếp cận gần hơn với các xu hướng nghiên cứu hiện đại của ngôn ngữ học tri nhận trên thế giới.

III. KẾT LUẬN

Thông qua khảo sát 51 công trình được thu thập từ hệ thống tra cứu của Thư viện Quốc gia Việt Nam, bài viết cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam đã có quá trình phát triển tương đối rõ nét cả về số lượng lẫn phạm vi nghiên cứu. Từ những công trình xuất hiện ban đầu với số lượng còn hạn chế, lĩnh vực này đã dần mở rộng và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt từ sau năm 2015 và tăng tốc rõ rệt trong giai đoạn sau năm 2020.

Kết quả khảo sát cho thấy nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam tập trung chủ yếu vào các hướng như nghiên cứu văn học – thi ca, đối chiếu liên ngôn ngữ và khảo sát các phạm trù liên quan đến cảm xúc, trải nghiệm con người. Đồng thời, phạm vi ứng dụng của lý thuyết ẩn dụ ý niệm cũng đang từng bước mở rộng sang các lĩnh vực diễn ngôn xã hội, truyền thông và nghiên cứu đa phương thức. Qua đó có thể thấy mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hoá và tư duy tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong nhiều công trình nghiên cứu, đồng thời phản ánh xu hướng mở rộng tính liên ngành của ngôn ngữ học tri nhận trong bối cảnh nghiên cứu hiện nay.

Mặc dù phạm vi khảo sát của bài viết chỉ giới hạn trong nguồn dữ liệu điện tử của Thư viện Quốc gia Việt Nam và số liệu thu thập được có thể có những thay đổi nhất định do quá trình cập nhật cơ sở dữ liệu ở các thời điểm truy cập khác nhau, kết quả nghiên cứu vẫn góp phần khái quát tương đối rõ tiến trình phát triển và các khuynh hướng nổi bật của nghiên cứu ẩn dụ ý niệm tại Việt Nam. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng nguồn dữ liệu và kết hợp thêm các phương pháp phân tích thư mục học chuyên sâu nhằm tiếp tục làm rõ đặc điểm học thuật và sự vận động của lĩnh vực này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Kövecses, Z. (2010). *Metaphor: A Practical Introduction (2nd ed.).* Oxford: Oxford University Press.

Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors We Live By.* Chicago: University of Chicago Press.

Gibbs, R. W. (2008). *The Cambridge Handbook of Metaphor and Thought.* Cambridge: Cambridge University Press.

Phạm Hùng Hiệp, Lương Đình Hải (2023). *Từng bước thực hành phương pháp thư mục lượng để làm tổng quan tài liệu.* Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Charteris-Black, J. (2004). *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*. London: Palgrave Macmillan.

Thư viện Quốc gia Việt Nam. (2026). *Hệ thống tra cứu trực tuyến.* Truy cập tháng 4 năm 2026, từ https://nlv.gov.vn/